TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:27/2021/DS-ST
Ngày: 12 – 8 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh - Ông Đỗ Công Bộ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2021/TLST-DS ngày 06/4/2021 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-DS ngày 24/7/2021; giữa:

Nguyên đơn: Bà Đàm Thị T, sinh năm 1959 - có mặt
Địa chỉ: Thôn Hl(TH), xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
Bị đơn: Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1987 - có mặt
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
- Chị Đinh Thị T2, sinh năm 1990 – vắng mặt và có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
-Ông Bùi Văn T3, sinh năm 1952 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Hl(TH), xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Đàm Thị T trình bày:

Ngày 19/10/2015 âm lịch bà cho anh Đinh Văn T1 vay số tiền 756.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, lãi thỏa thuận miệng là 2%/ tháng và hẹn đến ngày 30/10/2015 âm lịch anh T1 phải trả cho bà số tiền 56.000.000 đồng. Tuy nhiên từ đó cho đến nay anh T1 chưa trả cho vợ chồng bà số tiền gốc và lãi nào. Bà cho anh T1 vay tiền mục đích để làm ăn kinh tế gia đình, nên bà yêu cầu vợ chồng

anh T1 và chị T2 trả cho bà số tiền gốc 756.000.000 đồng và lãi suất 9%/ năm tính từ ngày 19/10/2015 cho đến ngày xét xử.

Ông Bùi Văn T3 trình bày: Ngày 19/10/2015 âm lịch vợ chồng ông có cho anh Đinh Văn T1 vay số tiền 756.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, lãi thỏa thuận miệng là 2%/ tháng và hẹn đến ngày 30/10/2015 âm lịch anh T1 phải trả cho vợ chồng ông số tiền 56.000.000 đồng. Tuy nhiên từ đó cho đến nay anh T1 chưa trả cho vợ chồng ông số tiền gốc và lãi nào. Anh T1 vay tiền mục đích để làm ăn kinh tế gia đình, nên ông yêu cầu vợ chồng anh T1 và chị T2 trả cho vợ chồng ông số tiền gốc 756.000.000 đồng và lãi suất 9%/ năm tính từ ngày 19/10/2015 cho đến ngày xét xử.

Vì lý do công việc nên ông xin được vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn anh Đinh Văn T1 trình bày:

Ngày 19/10/2015 âm lịch, anh có vay của bà Đàm Thị T số tiền 756.000.000đồng, các bên không thỏa thuận tiền lãi và hẹn đến ngày 30/10/2015 anh phải trả cho bà T số tiền 56.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hẹn anh chưa trả được số tiền trên. Anh T1 xác định anh vay của bà T trước đó nhiều lần, đến ngày 19/10/2015 thì hai bên chốt số tiền gốc là 756.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai và hòa giải lần một anh T1 xác định anh vay để phát triển kinh tế gia đình, mở xưởng gỗ, khi vay vợ anh không biết mà chỉ biết khi nghe anh nói lại. Nay anh T1 xác định còn nợ bà T số tiền gốc là 756.000.000 đồng. Bà Đàm Thị T khởi kiện anh đồng ý cá nhân anh trả số tiền gốc 756.000.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn anh đồng ý trả ½ số tiền gốc, còn miễn ½ số tiền gốc và xin miễn toàn bộ số tiền lãi.

Chị Đinh Thị T2 tình bày: Chị xác định việc vay tiền giữa anh T1 với bà T như thế nào chị không được biết, sau này bà T đến đòi tiền thì chị mới được biết. Chị không biết anh T1 vay tiền vào mục đích gì, nhưng việc làm ăn kinh tế trong gia đình do anh T1 quản lý. Chị xác định đây là khoản nợ của cá nhân anh T1, không liên quan đến nợ chung của vợ chồng. Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền gốc 756.000.000 đồng và lãi suất 9%/ năm tính từ ngày 19/10/2015 cho đến ngày xét xử thì cá nhân anh T1 phải có trách nhiệm trả cho bà T, còn chị không đồng ý trả.

Nguyên đơn bà T trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc vợ chồng anh T1, chị T2 phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 756 triệu và tiền lãi với mức lãi suất là 9%/năm từ khi vay đến khi xét xử. Khi vay anh T1, bố mẹ anh T1 có nói với bà là vay để phát triển nghề mộc, xưởng gỗ. Bà T xác định đây là khoản nợ chung vợ chồng anh T1 nên bà yêu cầu anh T1, chị T2 phải trả cho vợ chồng bà. Số tiền này được cộng dồn của nhiều mã vay và là số tiền gốc mà không phải là tiền lãi cộng lại. Khi ký giấy vay tiền hai bên thỏa thuận miệng là 1 tháng trả hết còn 56 triệu hẹn đến ngày 30/10/2015 âm lịch trả hết. Bà đồng ý với việc tính lãi làm tròn bằng tháng nếu lẻ đến ngày thì bà không yêu cầu tính của những ngày lẻ đó.

Bị đơn anh Đinh Văn T1 trình bày: Anh vay tiền gốc của bà T một lần là 300 triệu năm 2014. Lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày. Do anh không trả được tiền lãi nên bà T đã tính cả gốc và lãi vào và yêu cầu anh phải ký giấy nhận nợ mới thành 756 triệu. Anh T1 đề nghị bà T không tính tiền lãi với anh vì anh hiện đang khó khăn về kinh tế, ngoài ra anh không còn lý do nào khác. Khoản 56 triệu hẹn đến ngày 30/10/2015 âm lịch trả, còn khoản còn lại không có thời hạn và không có thỏa thuận lãi.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:Áp dụng Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357Điều 463; Điều 465; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị T, buộc vợ chồng anh T1 và chị T2 trả cho bà T, ông T3 số tiền gốc 756.000.000 đồng và lãi suất 9%/ năm tính từ ngày 30/10/2015 âm lịch cho đến ngày xét xử làm tròn đến tháng theo như yêu cầu của bà T đối với khoản 56 triệu. Số tiền lãi của khoản này là 56 triệu x 9%/năm x 68 tháng = 28.560.000 đồng. Đối với khoản 700 triệu còn lại là hợp đồng không có thời hạn, không có lãi nên không áp dụng lãi đối với khoản này.

Về án phí: Anh T1, chị T2 phải chịu 35.282.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đàm Thị T có đơn khởi kiện anh Đinh Văn T1 và chị Đinh Thị T2 có nơi cư trú tại thôn ĐT, xã TT, huyện Hiệp Hòa Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng: Ông Bùi Văn T3 và chị Đinh Thị T2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông T3, chị T2.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Đàm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T1 và chị T2 trả cho bà số tiền gốc 756.000.000 đồng và lãi suất 9%/ năm tính từ ngày 19/10/2015 cho đến ngày xét xử, được xác định là quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

- Về số gốc phải trả:

Ngày 19/10/2015 âm lịch bà Đàm Thị T cho anh Đinh Văn T1 vay số tiền 756.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày

30/10/2015 âm lịch anh T1 phải trả cho bà T số tiền 56.000.000 đồng, tại phần chữ ký người vay tiền chữ ký và chữ viết "Đinh Văn T1" là do anh T1 ký và viết, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Anh T1 cho rằng khoản nợ này được cộng dồn từ số tiền gốc 300 triệu đồng và tiền lãi suất với mức là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày mà thành nhưng anh T1 không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình, bà T, ông T3 không thừa nhận việc này. Do vậy, không có căn cứ xác định lời khai của anh T1 là đúng. Đến nay anh T1 chưa thanh toán được một khoản tiền nào cho bà T, ông T3 do vậy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ cần được chấp nhận.

- Về trách nhiệm trả tiền: Bà T yêu cầu anh T1, chị T2 phải có trách nhiệm trả tiền cho vợ chồng bà. Tại biên bản lấy lời khai và phiên hòa giải lần 1 anh T1 khai vay tiền với mục đích phát triển kinh tế gia đình là làm nghề mộc, chị T2 vợ anh T1 khai khi anh T1 vay tiền chị không biết. Chị chỉ biết anh T1 vay tiền khi bà T xuống đòi tiền. Tại biên bản hòa giải lần 2 anh T1 thay đổi lời khai của mình, anh T1 cho rằng khoản vay này không liên quan đến vợ anh là chị T2 vì anh vay tiền với mục đích tiêu xài cá nhân. Việc anh T1 thay đổi lời khai là không có cơ sở, nhằm trốn tránh trách nhiệm của vợ mình với bà T. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc vợ chồng anh T1, chị T2 phải có trách nhiệm trả tiền cho bà T, ông T3 là đúng quy định của pháp luật phù hợp với chứng cứ của vụ án.

- Về lãi suất: Bà T yêu cầu vợ chồng anh T1, chị T2 trả số tiền lãi là 9%/ năm kể từ ngày 19/10/2015 âm lịch đến khi xét xử, HĐXX thấy: Do khi ký giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất do vậy không có căn cứ để tính lãi suất trong hạn đối với anh T1, chị T2. Đối với khoản 56 triệu hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 30/10/2015 âm lịch, đến nay anh T1 vẫn chưa thanh toán được khoản nợ này do vậy anh T1, chị T2 phải chịu mức lãi suất quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Bà T yêu cầu tính lãi 9%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận tính lãi với khoản tiền này. Do tháng 10/2015 âm lịch không có ngày 30 nên tính là ngày 29/10/2015 âm lịch tương đương là ngày 10/12/2015. Tính đến ngày xét xử 12/8/2021 là 5 năm 8 tháng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu tính lãi tròn theo tháng nên cần được chấp nhận. Số tiền này của khoản này là: 56.000.000 đồng x 9%/năm x 68 tháng = 28.560.000 đồng.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên anh T1, chị T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí anh T1, chị T2 phải trả cho bà T, ông T3 là: 756.000.000 đồng gốc + 28.560.000 đồng tiền lãi = 784.560.000đồng do vậy tiền án phsi là: 20.000.000 đồng + 4%x 384.560.000 đồng = 35.382.400 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25; Điều 27 – Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 357; 463; Điều 466; Điều 468; 469 Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị T

Xử:

[1] Về nghĩa vụ trả nợ:

Buộc anh Đinh Văn T1 và chị Đinh Thị T2 phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Đàm Thị T và ông Bùi Văn T3 số tiền 756.000.000 đồng gốc + lãi 28.560.000 đồng tiền lãi. Tổng là 784.560.000 đồng

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Án phí:

Anh T1, chị T2 phải chịu 35.382.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đàm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo:

Bà Đàm Thị T, anh Đinh Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T3, chị T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đặng Văn Chức